

Ngày: 03/01/2023
V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính

Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/12/2022 và 03/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLPT-DS ngày 20/10/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST, ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2022/QĐ-PT, ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1970. Có mặt;

Địa chỉ: Thôn Nghiêm Thôn, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960. Có mặt;

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tâm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là bà Vũ Thị T1 trình bày: Bà với bà Nguyễn Thị T2 ở khu 1, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có mối quan hệ quen biết. Ngày 21/4/2014, bà T2 có nhận vay của bà số tiền 350.000.000 đồng và cam kết sau sẽ có trách nhiệm trả cho bà đầy đủ số tiền trên. Hai bên có thoả thuận khi nào bà cần thì bà T2 sẽ trả và lãi suất thoả thuận miệng, nhưng đến khi bà đòi thì bà T2 không

trả. Bà đề nghị Toà án buộc bà T2 phải trả cho bà số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà T2 có chứng cứ chứng minh rằng đã trả tiền cho bà thì bà chấp nhận đối trừ vào khoản tiền nợ bà T2 đã vay của bà. Việc vay nợ giữa bà và bà T2 là giao dịch giữa cá nhân, không liên quan đến gia đình hai bên.

Ngày 22/7/2022, bà T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện, xác định số tiền bà T2 còn nợ bà là 230.000.000đ, bà yêu cầu bà T2 phải trả số tiền nợ gốc này và tiền lãi T1 từ ngày 11/9/2017 đến nay theo quy định của pháp luật là 10%/01 năm tương ứng với mức 0,83%/01 tháng, tạm T1 đến ngày 22/7/2022 tương ứng với 58 tháng 17 ngày, số tiền lãi là: 111.800.000 đồng, tổng tiền gốc và lãi, bà T1 yêu cầu bà T2 phải trả là: 341.800.000 đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Cách đây 07 năm, cháu bà là anh Nguyễn Văn Biên có vay của bà Vũ Thị T1 số tiền gốc và lãi là 350.000.000đ. Do anh Biên không có tiền trả nên bà đã nhận số nợ trên thay cho anh Biên. Tại Công an tỉnh Bắc Ninh, bà và bà T1 có thoả thuận với nhau, bà sẽ trả cho bà T1 mỗi ngày 100.000đ cho đến khi hết nợ. Sau đó, bà đã liên tục trả cho bà T1 từ ngày 21/4/2014, mỗi ngày 100.000đ, có khi bà đưa tiền trực tiếp cho bà T1, có khi người nhà hoặc người bán hàng đưa hộ. Bà đưa tiền cho bà T1 đến đợt covid chốt chợ thị trấn Phố Mới lần đầu (khoảng ngày 23/5/2021), bà còn nợ khoảng 70.000.000 đồng; đến khi chốt chợ thị trấn Phố Mới lần 2 khoảng ngày 06/11/2021, bà chỉ còn nợ bà T1 55.000.000đ. Sau khi hết giãn cách, được buôn bán trở lại, bà gặp bà T1 khi đi thu họ nhà anh N thì có bảo “Mang hết giấy tờ ra để còn bao nhiêu tôi lại trả tiếp”. Nhưng sau đó, bà T1 không mang giấy tờ ra mà khởi kiện ra toà.

Quá trình Toà án giải quyết, bà có nộp tờ giấy biên nhận có chữ viết của bà T1 xác nhận bà đã trả cho bà T1 số tiền là 120.000.000 đồng, T1 đến hết ngày 20/7/2017 âm lịch, bà còn nợ bà T1 là 230.000.000 đồng. Nay, bà T1 làm đơn khởi kiện ra Toà thì bà không chấp nhận. Bà yêu cầu bà T1 phải mang sổ sách và giấy tờ mà bà T1 ghi chép việc bà trả nợ hàng ngày, còn bao nhiêu bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà T1. Bà xác nhận việc viết giấy nhận nợ giữa bà và bà T1 không liên quan đến gia đình hai bên. Ngoài việc nhận nợ trên với bà T1, bà không còn vay nợ bà T1 khoản tiền nào khác.

Tại phiên toà, bà T2 có đưa những người chứng kiến việc bà T2 trả tiền cho bà T1 là anh Nguyễn Văn B, bà Nghiêm Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị M trình bày: có thấy bà T1 đến thu tiền, mỗi lần thu là 100.000 đồng nhưng không biết thu tiền gì, không nhớ được ngày đưa và số tiền đưa là bao nhiêu.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm căn cứ Căn cứ Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T1. Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho bà Vũ Thị T1 số tiền gốc là 230.000.000 đồng, tiền lãi là 112.631.000 đồng. Tổng số tiền bà T2 phải trả cho bà T1 là 342.631.000 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/8/2022, bị đơn là bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Vũ Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn là bà Nguyễn Thị T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Vũ Thị T1 trình bày: bà yêu cầu bà T2 trả cho bà 230.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T2 trình bày: ngày 21/4/2022 bà có nhận nợ thay cho anh Nguyễn Văn Biên 350.000.000đ của bà Vũ Thị T1. Đến ngày 11/9/2017 âm lịch bà đã trả bà T1 120.000.000đ. Từ ngày 11/9/2017 đến nay, bà đã trả cho bà T1 được 175.000.000đ, bà chỉ còn nợ bà T1 55.000.000đ. Bà không vay lãi, không đồng ý trả cho bà T1 230.000.000đ và tiền lãi.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tâm, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2 nộp trong hạn luật định, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 28/3/2022, bà Vũ Thị T1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 trả số tiền 350.000.000đ mà bà T2 đã nhận của bà T1 vào ngày 21/4/2014. Căn cứ vào đơn khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án xác định bản chất của giấy nhận nợ ngày 21/4/2014 là việc bà T2 nhận nợ thay cho cháu là anh Nguyễn Văn Biên số tiền 350.000.000đ của bà T1, bà T2 đã trả cho bà T1 120.000.000đ, còn lại

230.000.000đ chốt nợ tại giấy nhận nợ ngày ngày 10/9/2017 (tức ngày 20/7/2017 âm lịch). Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận việc bà T2 nhận nợ thay cho anh Biên là đúng. HĐXX xét thấy, cần thay đổi quan hệ tranh chấp là “Kiện đòi tài sản” là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu bà T1 cung cấp sổ sách để chứng minh bà T2 đóng nợ hàng ngày cho bà T1; không cho bà T2 được thỏa thuận hòa giải với bà T1; bà T1 khởi kiện đòi tiền bà là không đúng.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tâm, Hội đồng xét xử thấy:

Tại đơn khởi kiện, lời khai của bà T1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 xác định từ ngày 11/9/2017 đến nay, bà T2 không trả tiền cho bà đối với khoản nợ 230.000.000đ nêu trên, đồng thời, bà T1 không thu tiền nợ hàng ngày của bà Tâm. Tại Khoản 2 Điều 91 BLTTDS 2015 qui định: *“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.”*, bà T2 phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T1 và xác định có đóng nợ hàng ngày cho bà T1 mỗi ngày 100.000đ thì bà T2 phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh, do đó yêu cầu của bà T2 là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của bà T1 và bà T2 có mâu thuẫn, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất là thiếu sót, tuy nhiên, các đương sự đã được đối chất trực tiếp với nhau tại phiên tòa là phù hợp quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự đương đối chất, hòa giải là đảm bảo quyền lợi của đương sự.

Đối với kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1, HĐXX xét thấy: bà T2 xác nhận vào ngày 21/4/2014 bà có ký vào giấy nhận nợ cho anh Biên số tiền 350.000.000đ của bà T1, đến ngày 10/9/2017 (tức ngày 20/7/2017 âm lịch), bà T2 còn nợ bà T1 số tiền là 230.000.000 đồng. Từ ngày 11/9/2017 đến nay, bà đã trả cho bà T1 được 175.000.000đ, mỗi ngày trả 100.000đ, đã trả đến đợt covid lần 2 vào khoảng ngày 06/11/2021 thì do dịch covid nên không trả được nợ. Bà T2 xác định, đến nay bà T2 chỉ còn nợ bà T1 khoảng 55.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 xác định không thu tiền của bà T2 ngày 100.000đ, đồng thời bà T2 không đưa ra được những chứng cứ chứng minh cho việc đã trả tiền cho bà T1. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T2 không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Như phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa bà Vũ Thị T1 và bà Nguyễn Thị T2 được xác định là quan hệ “Kiện đòi tài sản”, do vậy yêu cầu T1 lãi đối với số tiền 230.000.000đ của bà T1 là không có căn cứ, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà T2 về việc không chấp nhận trả lãi cho bà T1. Bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho bà Vũ Thị T1 là: 230.000.000đ.

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án “Hợp đồng vay tài sản” là chưa phù hợp, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tuy nhiên, HĐXX thấy để giải quyết vụ án được toàn diện, khách quan, kịp thời thì cần sửa bản án sơ thẩm, tuy nhiên cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm.

Về án phí: bà T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, 280, 496, 499 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 144, 147, 148, 158, 165, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử: Sửa án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T1 về việc đòi lại số tiền 230.000.000đ do bà Nguyễn Thị T2 nhận nợ ngày 20/7/2017 âm lịch (tức 10/9/2017 dương lịch). Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho bà Vũ Thị T1 số tiền 230.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị T1 đòi tiền lãi đối với số tiền 230.000.000đ bà Nguyễn Thị T2 đã nhận nợ ngày 20/7/2017 âm lịch (tức 10/9/2017 dương lịch).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị T2 số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005257 ngày 12/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

Hoàn trả bà Vũ Thị T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.750.000đ và 4.740.000đ theo biên lai số 0005043 ngày 04/4/2022 và 0005144 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Quế Võ;
- Chi cục THADS huyện Quế Võ;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Trang